TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-3-2024
V/v tranh chấp tài sản chung sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Phước Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc: "Tranh chấp tài sản chung sau khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18/4/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Văn L, sinh năm 1982

Địa chỉ thường trú: Số 3, đường N, phường G, thành phố H, tỉnh T.

Địa chỉ hiện nay: Tổ 7, ấp L, xã L, huyện B, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Nhật Q, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh B, là người đại diện theo ủy quyền (theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 20/01/2024) (có yêu cầu vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lê Hồng T, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Căn B, khu nhà ở N, tổ 19, khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Đặng Văn L và người đại diện theo ủy quyền (ông Huỳnh Nhật Quang) trình bày:

Ông Đặng Văn L và bà Lê Hồng T tự nguyện chung sống vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thị xã B, tỉnh B vào ngày 26/11/2020. Vợ chồng có 01 con chung tên Đặng Thiên M, sinh ngày 04/6/2020 (hiện do bà T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng).

Do tình cảm không còn nên các bên đã thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 164/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/4/2023 của TAND thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Tại Quyết định này có nêu rõ về tài sản chung, nợ chung các bên không có tranh chấp.

Nay nguyên đơn xác định chiếc xe ô tô hiệu Peugeot, biển số 61A 859.50, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 141785 do Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 04/12/2020 cho bà Lê Hồng T là tài sản chung của vợ chồng, được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Thời điểm mua mới là 1.100.000.000 đồng. Chiếc xe này có giá hiện nay khoảng 700.000.000 đồng. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu được nhận xe và hoàn lại giá trị xe cho bà Lê Hồng T là 350.000.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu định giá tài sản.

**** Tại Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 25/3/2024, ông Huỳnh Nhật Q trình bày:***

Ông đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, và ông xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 26/3/2024.

**** Tại Văn bàn trình bày đề ngày 26/3/2024, nguyên đơn ông Đặng Văn L trình bày:***

Trước đây, ông có yêu cầu được nhận xe và hoàn giá trị cho bị đơn bà Lê Hồng T. Nay ông xác định trong trường hợp bà T yêu cầu nhận xe thì ông đồng ý giao xe cho bà T. Tuy nhiên, phía bà T phải thanh toán giá trị chiếc xe cho ông.

2. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Hồng T trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời điểm sống chung, đăng ký kết hôn, ly hôn và con chung.

Hiện chiếc xe ô tô hiệu Peugeot, biển số 61A 859.50 đang đứng tên bà. Bà đang trực tiếp quản lý, sử dụng chiếc xe này để đi lại, đưa rước con. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà không đồng ý. Bà cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án này.

Bà cho rằng ông Đặng Văn L không có trách nhiệm với con chung, không thực hiện cấp dưỡng nuôi con. Bà phải làm việc để trang trải, nuôi dạy cháu Đặng Thiên M.

Bà thống nhất xác định giá trị chiếc xe tranh chấp hiện nay là 700.000.000 đồng. Bà không yêu cầu định giá tài sản.

**** Tại phiên tòa, bà T trình bày:***

Hiện bà T đang khởi kiện ông L về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con tại TAND huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Bà và ông L đã tự nguyện thỏa thuận, thống nhất về giá tài sản tranh chấp như sau: Chiếc xe ô tô hiệu Peugeot, biển số 61A 859.50 có giá thị trường là 700.000.000 đồng. Bà đề nghị HĐXX dùng mức giá này để xét xử theo quy định pháp luật.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà đồng ý thanh toán số tiền 350.000.000 đồng (tương ứng 50% giá trị chiếc xe), và xin được nhận xe để tiếp tục đi lại, đưa rước con.

**** Kiểm sát viên đại diện VKSND thị xã Bến Cát phát biểu quan điểm:***

- Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Xét đại diện nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có ý kiến xin xét xử vắng mặt, nên đề nghị HĐXX tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Về việc thỏa thuận giá của các đương sự là phù hợp, nên đề nghị HĐXX căn cứ vào mức giá thỏa thuận này để xét xử theo quy định.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn L là có căn cứ chấp nhận, vì chiếc xe tranh chấp là tài sản chung của ông L và bà T, được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Tại phiên tòa, bà T cũng đồng ý thanh toán 50% giá trị xe cho ông L. Do vậy, đề nghị HĐXX giao chiếc xe cho bà T tiếp tục quản lý, sở hữu, sử dụng. Bà T có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông L 50% giá trị chiếc xe, tương đương với số tiền 350.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Đặng Văn L tranh chấp về tài sản chung sau ly hôn với bị đơn bà Lê Hồng T. Bị đơn hiện cư trú tại khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh B, nên vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Bến Cát theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa:

Xét bị đơn đã trình bày ý kiến đầy đủ và xin xét xử vắng mặt. Do vậy, HĐXX căn cứ các Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn cho rằng chiếc xe ô tô hiệu Peugeot, biển số 61A 859.50 là tài sản chung của vợ chồng. Nguyên đơn đồng ý giao xe cho bị đơn quản lý, sử dụng và yêu cầu bị đơn hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 350.000.000 đồng.

Bị đơn cho rằng chiếc xe hiện do bị đơn quản lý sử dụng. Bị đơn cho rằng nguyên đơn không có trách nhiệm với con chung, nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa thì bị đơn đã thay đổi ý kiến, đồng ý thanh toán số tiền 350.000.000 đồng cho nguyên đơn và xin được nhận chiếc xe.

HĐXX xét thấy ông Đặng Văn L và bà Lê Hồng T đã tự nguyện chung sống vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thị xã B, tỉnh B vào ngày 26/11/2020. Ông L và bà T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 164/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/4/2023 của TAND thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Tại Quyết định này có nêu rõ về tài sản chung, nợ chung các bên không có tranh chấp. Như vậy, chiếc xe ô tô hiệu Peugeot, biển số 61A 859.50 (theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 141785 do Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 04/12/2020 mang tên bà Lê Hồng T) là tài sản chung của ông L và bà T, được hình thành trong thời kỳ hôn nhân.

Quá trình tố tụng, các đương sự thỏa thuận, thống nhất xác định giá trị chiếc xe tính tới thời điểm xét xử là 700.000.000 đồng. Do vậy, HĐXX căn cứ vào mức giá này để xem xét giải quyết.

Xét bà Lê Hồng T đang quản lý, sử dụng chiếc xe nên cần giao xe cho bà T. Bà T có nghĩa vụ hoàn lại 50% giá trị chiếc xe cho ông L (tương đương số tiền 350.000.000 đồng) là phù hợp pháp luật.

[4] Từ những phân tích trên, HĐXX thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn L là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải nộp theo quy định pháp luật.

[6] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 213; Điều 219 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 33; Điều 38; khoản 1 Điều 29 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn L đối với bị đơn bà Lê Hồng T về việc: "Tranh chấp tài sản chung sau khi ly hôn" như sau:

- Buộc bị đơn bà Lê Hồng T có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn ông Đặng Văn L số tiền 350.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Bà Lê Hồng T được quyền sở hữu, quản lý và sử dụng đối với: Chiếc xe ô tô con, màu sơn cam, nhãn hiệu PEUGEOT, biển số 61A-859.50, số máy 6810UF205G02, số khung P6ZXLM043658 (theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 141785 do Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 04/12/2020, tên chủ xe: Lê Hồng T).

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Đặng Văn L phải nộp 8.750.000 đồng, được khấu trừ vào 6.250.000 đồng đã nộp theo Biên lai tạm ứng số 0004872 ngày 22/02/2024 tại Chi cục THADS thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Ông L còn phải nộp tiếp 2.500.000 đồng.

- Bị đơn bà Lê Hồng T phải nộp 8.750.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/3/2024).

- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều: 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Phòng CSGT – Công an tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Phước Thành